

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TP. BUÔN MA THUỘT **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: **202 /2024/HNGĐ-ST**

Ngày 26 - 9 - 2024

“V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1./ Bà Nguyễn Thị Tạc

2./ Ông Bùi Trọng Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 505/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024, về việc: *“Không công nhận quan hệ vợ chồng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Vuu Kim D, sinh năm 1979 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn:** Ông Lê Hiếu M, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Vụ K trình bày có nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lê Hiếu M đến với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông Lê Hiếu M thường

xuyên đánh đập. Đến năm 2005 thì tôi và ông M sống ly thân cho đến nay. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận tôi và ông Lê Hiếu M là vợ chồng.

- Về con chung: Tôi và ông Lê Hiếu M có 03 con chung:

1./ Lê Hiếu T1, sinh ngày 20/12/1997;

2./ Lê Hiếu B, sinh ngày 19/12/2000;

3./ Lê Thị Kim T2, sinh ngày 30/12/2005.

Hiện nay các con chung là Lê Hiếu T1, Lê Hiếu B, Lê Thị Kim T2 đã đủ 18 tuổi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí.

Mặc dù bị đơn ông Lê Hiếu M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp việc kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông M vắng mặt, không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buon Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ trông chấp, đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vưu Kim D.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Vưu Kim D và ông Lê Hiếu M là vợ chồng.

- Về con chung: Hiện nay con chung là Lê Hiếu T1, sinh ngày 20/12/1997; Lê Hiếu B, sinh ngày 19/12/2000; Lê Thị Kim T2, sinh ngày 30/12/2005 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Lê Hiếu M hiện đang cư trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Vưu Kim D có Đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Lê Hiếu M mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông M chung sống trên cơ sở tự nguyện từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: do ông Lê Hiếu M thường xuyên đánh đập.

Tại biên bản xác minh của Tòa án, chính quyền địa phương cho biết: *“Bà Vưu Kim D và ông Lê Hiếu M chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Bà Vưu Kim D và ông Lê Hiếu M sinh sống tại địa chỉ: Số G Đ, Buôn P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đến năm 2005 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được vì bà D và ông M không yêu cầu địa phương hòa giải. Nay bà Vưu Kim D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà Vưu Kim D và ông Lê Hiếu M là vợ chồng. Kính đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật”.*

Bà D và ông M chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng trong thời gian ông bà chung sống thì không đăng ký kết hôn, đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Nay bà Vưu Kim D có đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận bà Vưu Kim D và ông Lê Hiếu M là vợ chồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Hiện nay con chung là Lê Hiếu T1, sinh ngày 20/12/1997; Lê Hiếu B, sinh ngày 19/12/2000; Lê Thị Kim T2, sinh ngày 30/12/2005 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết;

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vưu Kim D.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Vưu Kim D và ông Lê Hiếu M là vợ chồng.

- Về con chung:

Hiện nay, các con chung là Lê Hiếu T1, sinh ngày 20/12/1997; Lê Hiếu B, sinh ngày 19/12/2000; Lê Thị Kim T2, sinh ngày 30/12/2005 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Vưu Kim D không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Vưu Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2023/0010144 ngày 23/5/2024.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự; (Đã ký)
- Lưu: HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Loan

